



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỆT GIA DỤNG PHONG PHÚ**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	13 - 40

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần dệt gia dụng Phong Phú là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ hệ thống sản xuất khăn của Tổng Công ty Phong Phú (nay là Tổng Công ty cổ phần Phong Phú) theo Quyết định số 2373/QĐ-BCN ngày 10 tháng 7 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008444, đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 11 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 06 tháng 10 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty cổ phần Phong Phú	40.879.000.000	51,10
Công ty TNHH thương mại - dịch vụ - sản xuất Song Hoàng	3.850.000.000	4,81
Công ty TNHH thương mại Phước Phát	3.850.000.000	4,81
Các cổ đông khác	31.421.000.000	39,28
Cộng	80.000.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại : (84 - 8) – 36 400 067
Fax : (84 - 8) – 37 281 848
Mã số thuế : 0 3 0 5 3 2 7 8 8 1

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Nhà máy dệt Hải Vân	34 Ông Ích Đường, quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Sản xuất vải khăn, chỉ khâu, chỉ thêu, may quần áo, bao bì, nguyên liệu ngành dệt may;
- Mua bán bông, xơ, sợi, hóa chất, thuốc nhuộm, máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành dệt may;
- Kinh doanh ngành nghề phù hợp với quy định của pháp luật.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Doanh thu và lợi nhuận năm nay đều gia tăng đáng kể so với năm trước là do số lượng và giá bán sản phẩm gia tăng.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 40).

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2011 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 số 249/NQ-PPH-DHĐCĐ ngày 30 tháng 3 năm 2012 như sau:

- Khen thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành năm 2011	6.600.359.226 VND
- Chia cổ tức năm 2011	24.000.000.000 VND
Cộng	30.600.359.226 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT GIA DỤNG PHONG PHÚ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ngoài ra, Công ty còn tạm phân phối lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm 2012 như sau:

- Trích quỹ phúc lợi	874.972.177 VND
- Tạm ứng cổ tức	24.000.000.000 VND
Cộng	24.874.972.177 VND

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Xuân Trình	Chủ tịch	23 tháng 10 năm 2007	-
Ông Trần Ngọc Nga	Ủy viên	23 tháng 10 năm 2007	-
Bà Bùi Thị Thu	Ủy viên	23 tháng 10 năm 2007	-
Bà Phạm Minh Hương	Ủy viên	23 tháng 10 năm 2007	-
Ông Trần Văn Việt	Ủy viên	23 tháng 10 năm 2007	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trương Thị Ngọc Phượng	Trưởng ban	23 tháng 10 năm 2007	-
Ông Lê Mạnh Hùng	Thành viên	23 tháng 10 năm 2007	-
Bà Nguyễn Thị Yến Vân	Thành viên	23 tháng 10 năm 2007	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Xuân Trình	Tổng Giám đốc	23 tháng 10 năm 2007	-
Ông Trần Ngọc Nga	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 12 năm 2007	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT GIA DỤNG PHONG PHÚ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần dệt gia dụng Phong Phú tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị, 



Phạm Xuân Trinh
Chủ tịch

Ngày 22 tháng 3 năm 2013





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0261/2013/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT GIA DỤNG PHONG PHÚ**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT GIA DỤNG PHONG PHÚ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty cổ phần dệt gia dụng Phong Phú gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 24 tháng 01 năm 2013, từ trang 06 đến trang 40 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần dệt gia dụng Phong Phú tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

Trần Hoàng Anh - Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1161/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT GIA DỤNG PHONG PHÚ

Địa chỉ: Phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		285.397.449.264	286.512.686.725
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	5.655.795.829	8.830.882.427
1. Tiền	111		5.655.795.829	8.830.882.427
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15.000.000.000	5.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	15.000.000.000	5.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		133.742.572.516	106.671.079.945
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	114.801.543.084	98.042.435.852
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	18.185.608.067	5.609.087.430
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	1.266.470.968	3.337.911.869
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(511.049.603)	(318.355.207)
IV. Hàng tồn kho	140		121.692.095.634	156.269.428.310
1. Hàng tồn kho	141	V.7	123.761.193.304	158.261.263.088
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(2.069.097.670)	(1.991.834.778)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.306.985.285	9.741.296.043
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		261.034.070	4.786.404.123
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	8.205.556.976	4.139.368.485
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	840.394.239	815.523.435

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT GIA DỤNG PHONG PHÚ

Địa chỉ: Phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		115.197.777.708	113.650.029.954
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		84.933.480.755	87.475.241.113
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	73.993.464.885	74.042.752.624
Nguyên giá	222		174.848.135.457	166.498.054.924
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(100.854.670.572)	(92.455.302.300)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		85.000.000	85.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(85.000.000)	(85.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	10.940.015.870	13.432.488.489
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		29.217.034.741	26.174.788.841
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	14.578.481.293	7.405.558.200
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	16.087.190.000	19.297.400.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.15	(1.448.636.552)	(528.169.359)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.047.262.212	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.16	1.047.262.212	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		400.595.226.972	400.162.716.679

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT GIA DỤNG PHONG PHÚ

Địa chỉ: Phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		279.211.428.764	281.206.898.084
I. Nợ ngắn hạn	310		264.843.465.886	261.905.186.880
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	148.669.816.372	143.024.610.186
2. Phải trả người bán	312	V.18	48.534.030.863	78.458.380.981
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	3.959.231.314	4.957.704.493
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	16.017.719.994	7.706.178.849
5. Phải trả người lao động	315	V.21	30.181.891.356	24.389.530.866
6. Chi phí phải trả	316	V.22	312.774.932	787.477.586
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	16.733.185.653	1.187.193.520
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.24	434.815.402	1.394.110.399
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		14.367.962.878	19.301.711.204
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.25	14.367.962.878	19.301.711.204
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		121.383.798.208	118.955.818.595
I. Vốn chủ sở hữu	410		121.383.798.208	118.955.818.595
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.26	80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.26	-	269.813.859
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.26	4.840.236.406	4.840.236.406
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.26	36.543.561.802	33.845.768.329
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		400.595.226.972	400.162.716.679

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT GIA DỤNG PHONG PHÚ

Địa chỉ: Phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-		-	
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-		-	
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-		-	
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-		-	
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		161.733,19		59.935,56	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-		-	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2013

Nguyễn Thị Yến Vân
Người lập biểu

Đặng Thanh Phước
Kế toán trưởng



Phạm Xuân Trinh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT GIA DỤNG PHONG PHÚ

Địa chỉ: Phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

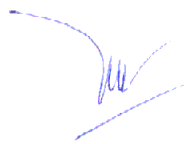
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	828.382.010.645	758.708.633.353
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3.787.888.766	355.547.407
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	824.594.121.879	758.353.085.946
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	659.276.851.275	629.345.497.979
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		165.317.270.604	129.007.587.967
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.473.153.322	7.296.960.066
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	19.862.842.056	27.853.740.721
Trong đó: chi phí lãi vay	23		18.053.087.283	19.393.494.980
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	42.856.350.908	34.584.244.859
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	37.073.294.914	29.406.568.893
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		69.997.936.048	44.459.993.559
11. Thu nhập khác	31	VI.7	4.208.819.359	1.003.195.118
12. Chi phí khác	32	VI.8	3.497.306.168	46.406.288
13. Lợi nhuận khác	40		711.513.191	956.788.830
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		70.709.449.239	45.416.782.389
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	12.377.970.752	7.915.220.539
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>58.331.478.487</u>	<u>37.501.561.850</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>7.291</u>	<u>4.688</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2013

Nguyễn Thị Yến Vân
Người lập biểuĐặng Thanh Phước
Kế toán trưởng
Phạm Xuân Trình
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT GIA DỤNG PHONG PHÚ

Địa chỉ: Phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		70.709.449.239	45.416.782.389
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11	14.715.284.412	10.396.101.008
- Các khoản dự phòng	03	V.6;V.8;V.15	1.190.424.481	1.941.495.209
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(1.060.875.269)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3;VI.7;VI.8	(3.981.904.511)	(1.913.932.363)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	18.053.087.283	19.393.494.980
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		99.625.465.635	75.233.941.223
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(28.672.528.659)	(21.639.396.246)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		34.500.069.784	(44.797.301.600)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(12.143.283.069)	47.822.088.800
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.22;VI.4	(18.226.584.170)	(18.922.262.445)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(3.433.544.260)	(5.615.696.811)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(9.343.855.575)	(4.173.294.482)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		62.305.739.686	27.908.078.439
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11;V.12;VII	(8.825.106.477)	(33.983.196.332)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	4.143.819.359	1.003.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2;V.14;VII	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.13;V.14,VII	(8.823.841.293)	(8.505.558.200)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5;VI.3	4.460.471.109	1.047.664.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(24.044.657.302)	(55.437.908.714)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT GIA DỤNG PHONG PHÚ

Địa chỉ: Phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

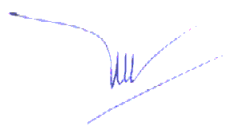
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17; V.25	558.982.065.632	510.514.761.833
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.17	(561.939.913.826)	(470.853.692.909)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	V.17; V.25	(986.018.348)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.26, VII	(37.467.210.000)	(12.010.390.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(41.411.076.542)	27.650.678.924
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(3.149.994.158)	120.848.649
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	8.830.882.427	8.681.846.832
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(25.092.440)	28.186.946
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	5.655.795.829	8.830.882.427

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2013



Nguyễn Thị Yến Vân
Người lập biểu



Đặng Thanh Phước
Kế toán trưởng



Phạm Xuân Trình
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT GIA DỤNG PHONG PHÚ

Địa chỉ: phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **Năm 2012**

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ, thương mại.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất vải khăn, chỉ khâu, chỉ thêu, may quần áo, bao bì, nguyên liệu ngành dệt may; Mua bán bông, xơ, sợi, hóa chất, thuốc nhuộm, máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành dệt may; Kinh doanh ngành nghề phù hợp với quy định của pháp luật.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Công ty có 1.193 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 1.199 nhân viên).
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Doanh thu và lợi nhuận năm nay đều gia tăng đáng kể so với năm trước là do số lượng và giá bán sản phẩm gia tăng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT GIA DỤNG PHONG PHÚ

Địa chỉ: phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 24 tháng 10 năm 2012 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng từ năm tài chính 2012 và thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009. Qui định của Thông tư số 179/2012/TT-BTC thay đổi so với Thông tư số 201/2009/TT-BTC Công ty đang áp dụng về tỷ giá qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ và tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm cũng như xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh, tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố thay vì sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng như hướng dẫn tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Theo Thông tư 201/2009/TT-BTC, chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chi tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xóa số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 05 năm.

Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm. Tuy nhiên, Thông tư số 179/2012/TT-BTC cho phép khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ của các năm trước chưa phân bổ hết được tiếp tục phân bổ theo số năm còn lại.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT GIA DỤNG PHONG PHÚ

Địa chỉ: phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	07 – 20
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT GIA DỤNG PHONG PHÚ

Địa chỉ: phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT GIA DỤNG PHONG PHÚ

Địa chỉ: phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

14. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty chỉ bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Trích lập các quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông viên hàng năm.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT GIA DỤNG PHONG PHÚ

Địa chỉ: phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 20.828 VND/USD
31/12/2012 : 20.812 VND/USD

19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.7.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT GIA DỤNG PHONG PHÚ

Địa chỉ: phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

20. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

21. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phân chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT GIA DỤNG PHONG PHÚ

Địa chỉ: phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

22. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

23. Bảo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	448.976.090	151.444.603
Tiền gửi ngân hàng	5.206.819.739	8.679.437.824
Cộng	5.655.795.829	8.830.882.427

2. Đầu tư ngắn hạn

Khoản tiền cho Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khách hàng trong nước	106.887.293.114	86.571.984.687
Các khách hàng nước ngoài	7.914.249.970	11.470.451.165
Cộng	114.801.543.084	98.042.435.852

Toàn bộ Phải thu khách hàng hợp pháp đã được làm tài sản đảm bảo để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam).

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các nhà cung cấp trong nước	7.324.449.833	4.768.285.226
Các nhà cung cấp nước ngoài	10.861.158.234	840.802.204
Cộng	18.185.608.067	5.609.087.430

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần dịch vụ thương mại TP. Hồ Chí Minh - tiền thuê nhà	-	100.000.000
Lãi dự thu Tổng Công ty cổ phần Phong Phú	-	959.222.225
Lợi nhuận được chia từ dự án 8/3	-	547.800.000
Tổng Công ty cổ phần Phong Phú- tiền góp vốn	-	1.000.000.000
Khoản ứng trước tiền thuê tài chính	842.325.976	-
Phải thu khác	424.144.992	730.889.644
Cộng	1.266.470.968	3.337.911.869

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán		
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	242.010.475	36.840.822
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	97.722.580	94.253.014
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	171.316.548	187.261.371
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên	-	-
Cộng	511.049.603	318.355.207

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	318.355.207
Trích lập dự phòng bổ sung	192.694.396
Số cuối năm	511.049.603

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT GIA DỤNG PHONG PHÚ

Địa chỉ: phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	28.780.337.847	46.738.249.851
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	55.040.835.850	70.060.489.756
Thành phẩm	22.590.098.270	25.207.395.529
Hàng gửi đi bán	17.349.921.337	16.255.127.952
Cộng	123.761.193.304	158.261.263.088

Một số nguyên vật liệu, thành phẩm, chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang có giá trị ghi sổ là 70.310.921.105 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh V.17).

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	707.336.918	355.443.645
Thành phẩm	1.361.760.752	1.636.391.133
Cộng	2.069.097.670	1.991.834.778

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	1.991.834.778
Trích lập dự phòng bổ sung	77.262.892
Số cuối năm	2.069.097.670

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	1.660.909	-
Thuế nhập khẩu	8.194.872.836	4.139.368.485
Các loại thuế khác	9.023.231	-
Cộng	8.205.556.976	4.139.368.485

10. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	834.830.000	609.660.000
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.564.239	205.863.435
Cộng	840.394.239	815.523.435

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	26.004.838.350	137.049.775.086	2.652.795.611	790.645.877	166.498.054.924
Dầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	200.300.000	14.794.602.946	2.013.090.926	773.366.533	17.781.360.405
Thanh lý, nhượng bán	-	(9.266.279.872)	(165.000.000)	-	(9.431.279.872)
Số cuối năm	26.205.138.350	142.578.098.160	4.500.886.537	1.564.012.410	174.848.135.457

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT GIA DỤNG PHONG PHÚ

Địa chỉ: phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.589.196.100	31.182.061.322	877.671.498	259.350.590	35.908.279.510
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	18.740.758.042	71.702.473.975	1.631.459.410	380.610.873	92.455.302.300
Khấu hao trong năm	1.383.116.572	12.418.035.292	538.448.030	375.684.518	14.715.284.412
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.150.916.140)	(165.000.000)	-	(6.315.916.140)
Số cuối năm	20.123.874.614	77.969.593.127	2.004.907.440	756.295.391	100.854.670.572
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	7.264.080.308	65.347.301.111	1.021.336.201	410.035.004	74.042.752.624
Số cuối năm	6.081.263.736	64.608.505.033	2.495.979.097	807.717.019	73.993.464.885
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 80.368.125.779 VND và 46.145.775.868 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	13.432.488.489	10.546.651.484	(17.781.360.405)	6.197.779.568
Tài sản thuê tài chính	-	4.742.236.302	-	4.742.236.302
Cộng	13.432.488.489	15.288.887.786	(17.781.360.405)	10.940.015.870

13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần dệt may Quảng Phú.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4500470547 ngày 21 tháng 01 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần dệt may Quảng Phú với số tiền 24.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã đầu tư 7.172.923.093 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 14.578.481.293 VND, tương đương 60,74% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần dệt may Quảng Phú là 9.421.518.707 VND.

14. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		7.143.690.000		5.353.900.000
- Tổng Công ty cổ phần Phong Phú	234.802	2.752.690.000	199.832	2.502.900.000
- Công ty cổ phần đầu tư Phong Phú Sơn Trà	170.000	1.751.000.000	170.000	1.751.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT GIA DỤNG PHONG PHÚ

Địa chỉ: phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty cổ phần dệt may Nha Trang	240.000	2.640.000.000	100.000	1.100.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác		3.943.500.000		3.943.500.000
- Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần xúc tiến thương mại và đầu tư Phong Phú		2.400.000.000		2.400.000.000
- Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH thương mại dịch vụ Song Hoàng		1.543.500.000		1.543.500.000
Cho Tổng Công ty cổ phần Phong Phú vay với lãi suất 11,5%/ năm		5.000.000.000		10.000.000.000
Cộng		16.087.190.000		19.297.400.000

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác:

- Cổ phiếu Tổng Công ty cổ phần Phong phú: tăng do mua thêm 24.979 cổ phiếu với giá mua và chi phí là 249.790.000 VND và nhận thêm 9.991 cổ phiếu thưởng.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần dệt may Nha Trang: tăng do mua thêm 140.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí là 1.540.000.000 VND.

15. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết	398.126.752	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác	1.050.509.800	528.169.359
Cộng	1.448.636.552	528.169.359

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn như sau:

Số đầu năm	528.169.359
Trích lập dự phòng bổ sung	920.467.193
Số cuối năm	1.448.636.552

16. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ thuê tài chính	847.262.212	-
Ký quỹ thuê nhà xưởng	200.000.000	-
Cộng	1.047.262.212	-

17. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	136.143.136.540	127.365.398.870
- Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu	-	8.242.523.540
- Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam ^(a)	2.394.549.683	17.666.362.359
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam ^(b)	33.628.473.292	53.701.634.405

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT GIA DỤNG PHONG PHÚ

Địa chỉ: phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ^(c)	72.822.331.064	35.794.388.527
- Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) ^(d)	27.297.782.501	11.960.490.039
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	4.785.559.205	7.871.755.648
- Chi nhánh Công ty tài chính dệt may ^(e)	4.785.559.205	7.871.755.648
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.25)	6.836.492.827	7.787.455.668
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.25)	904.627.800	-
Cộng	148.669.816.372	143.024.610.186

- (a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam để bổ sung vốn lưu động và phát hành thư bảo lãnh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho sợi và thành phẩm.
- (b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động và phát hành thư bảo lãnh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một phần tài sản cố định và hình thức tín chấp.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho trên dây chuyền (dệt – nhuộm – may) và kho Moliss.
- (d) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được thế chấp bởi các khoản nợ phải thu.
- (e) Khoản vay Chi nhánh Công ty tài chính dệt may theo lãi suất quy định trong từng khế ước vay.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	127.365.398.870	521.215.420.175	-	(512.351.810.536)	(85.871.969)	136.143.136.540
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	7.871.755.648	37.766.645.457	-	(40.852.841.900)	-	4.785.559.205
Vay dài hạn đến hạn trả	7.787.455.668	-	6.836.492.827	(7.787.455.668)	-	6.836.492.827
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	-	-	904.627.800	-	-	904.627.800
Cộng	143.024.610.186	558.982.065.632	7.741.120.627	(560.992.108.104)	(85.871.969)	148.669.816.372

18. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các nhà cung cấp trong nước	47.359.465.226	70.044.617.954
Các nhà cung cấp nước ngoài	1.174.565.637	8.413.763.027
Cộng	48.534.030.863	78.458.380.981

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT GIA DỤNG PHONG PHÚ

Địa chỉ: phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khách hàng trong nước	708.968.238	250.509.219
Các khách hàng nước ngoài	3.250.263.076	4.707.195.274
Cộng	3.959.231.314	4.957.704.493

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	4.183.454.926	(3.704.015.032)	479.439.894
Thuế GTGT hàng nhập khẩu ^(*)	-	2.868.606.947	(2.870.267.856)	(1.660.909)
Thuế xuất, nhập khẩu ^(*)	(4.139.368.485)	893.346.434	(4.948.850.785)	(8.194.872.836)
Thuế thu nhập doanh nghiệp ^(**)	6.330.292.148	12.521.367.548	(3.433.544.260)	15.418.115.436
Thuế thu nhập cá nhân	1.375.886.701	1.039.169.774	(2.294.891.811)	120.164.664
Trụ sở chính	1.375.528.533	1.014.558.400	(2.270.445.087)	119.641.846
Chi nhánh Hải Vân	358.168	24.611.374	(24.446.724)	522.818
Thuế thuê đất	-	917.482.162	(917.482.162)	-
Các loại thuế khác ^(*)	-	38.281.387	(47.304.618)	(9.023.231)
Cộng	3.566.810.364	22.461.709.178	(18.216.356.524)	7.812.163.018

^(*) Các khoản thuế chờ hoàn và nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.9).

^(**) Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm bao gồm:

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp năm nay phải nộp:	12.377.970.752
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước:	143.396.796
Cộng	12.521.367.548

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Ngoài ra, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2012 đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất, gia công, chế biến dệt may do có tổng số lao động sử dụng thường xuyên bình quân trong năm 2012 trên 300 người theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc hội về việc ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT GIA DỤNG PHONG PHÚ

Địa chỉ: phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	70.709.449.239	45.416.782.389
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.205.780.250	1.973.658.598
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.557.268.000)	(1.595.464.000)
Tổng thu nhập chịu thuế	71.357.961.489	45.794.976.987
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	17.839.490.372	11.448.744.247
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm tương ứng với các khoản chi cho lao động nữ	(109.672.508)	(98.900.434)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30%	(5.351.847.112)	(3.434.623.274)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	12.377.970.752	7.915.220.539

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 31.831 m² đất đang sử dụng với mức 16.265 VND/m² và diện tích 26.650 m² đất với mức 15.000 VND/m².

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

21. Phải trả người lao động

Quỹ lương trong năm được xây dựng dựa trên cơ sở bằng 12% doanh thu.

Số dư cuối năm là lương tháng 12, lương thưởng và quỹ lương dự phòng.

22. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	297.735.648	471.232.535
Chi phí hoa hồng xuất khẩu	15.039.284	116.370.051
Tiền thuê đất	-	199.875.000
Cộng	312.774.932	787.477.586

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn	22.260.000	16.230.000
Tổng Công ty cổ phần Phong Phú- tiền cho mượn	500.000.000	500.000.000
Cổ tức phải trả	701.240.000	168.450.000
Thuế thu nhập cá nhân của cá nhân tự quyết toán	-	488.704.958
Phải trả do chiết khấu bộ chứng từ (*)	15.492.842.191	-
Phải trả, phải nộp khác	16.843.462	13.808.562
Cộng	16.733.185.653	1.187.193.520

(*) Khoản vay chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu tại Ngân hàng TNIH một thành viên HSBC (Việt Nam) với lãi suất là 04%/ năm trong thời gian 04 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT GIA DỤNG PHONG PHÚ

Địa chỉ: phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	1.052.842.142	-	-	(830.957.510)	221.884.632
Quỹ phúc lợi	341.268.257	874.972.177	61.966.963	(1.065.276.627)	212.930.770
Cộng	1.394.110.399	874.972.177	61.966.963	(1.896.234.137)	434.815.402

25. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng ⁽ⁱ⁾	11.517.242.224	19.301.711.204
Nợ dài hạn ⁽ⁱⁱ⁾	2.850.720.654	-
Cộng	14.367.962.878	19.301.711.204

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đầu tư cho hệ thống sản xuất nước thải, dự án lò hơi và mua sắm máy móc thiết bị. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng các tài sản hình thành từ vốn vay.

(ii) Thuê tài chính của Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam để thuê mua tài sản cố định là máy móc, thiết bị.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Vay dài hạn ngân hàng	18.353.735.051	6.836.492.827	11.517.242.224	-
Nợ dài hạn	3.755.348.454	904.627.800	2.850.720.654	-
Cộng	22.109.083.505	7.741.120.627	14.367.962.878	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong năm	Số kết chuyển	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	19.301.711.204	-	(170.431)	(947.805.722)	6.836.492.827	11.517.242.224
Nợ dài hạn	-	4.742.236.302	(869.500)	(986.018.348)	904.627.800	2.850.720.654
Cộng	19.301.711.204	4.742.236.302	(1.039.931)	(1.933.824.070)	7.741.120.627	14.367.962.878

26. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	80.000.000.000	-	1.090.080.221	15.204.014.361	96.294.094.582
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	37.501.561.850	37.501.561.850
Trích lập quỹ trong năm	-	-	3.750.156.185	(5.250.218.659)	(1.500.062.474)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
Khen thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	(1.609.589.223)	(1.609.589.223)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT GIA DỤNG PHONG PHÚ

Địa chỉ: phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
và Ban điều hành năm 2010					
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	269.813.859	-	-	269.813.859
Số dư cuối năm trước	80.000.000.000	269.813.859	4.840.236.406	33.845.768.329	118.955.818.594
Số dư đầu năm nay	80.000.000.000	269.813.859	4.840.236.406	33.845.768.329	118.955.818.594
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	58.331.478.487	58.331.478.487
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	(874.972.177)	(874.972.177)
Khen thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành năm 2011	-	-	-	(6.600.359.226)	(6.600.359.226)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(48.000.000.000)	(48.000.000.000)
Điều chỉnh theo thanh tra thuế	-	-	-	(158.353.611)	(158.353.611)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	(269.813.859)	-	-	(269.813.859)
Số dư cuối năm nay	80.000.000.000	-	4.840.236.406	36.543.561.802	121.383.798.208

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức năm trước

24.007.210.000

Tạm ứng cổ tức

23.460.000.000

Cộng

47.467.210.000

Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

Số cuối năm

8.000.000

8.000.000

8.000.000

Số đầu năm

8.000.000

8.000.000

8.000.000

- Cổ phiếu phổ thông

-

- Cổ phiếu ưu đãi

-

Số lượng cổ phiếu được mua lại

-

- Cổ phiếu phổ thông

-

- Cổ phiếu ưu đãi

-

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

8.000.000

8.000.000

- Cổ phiếu phổ thông

8.000.000

8.000.000

- Cổ phiếu ưu đãi

-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT GIA DỤNG PHONG PHÚ

Địa chỉ: phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	828.382.010.645	758.708.633.353
- Doanh thu bán thành phẩm	750.919.360.459	679.922.362.797
- Doanh thu bán nguyên vật liệu	75.158.683.147	76.437.432.146
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.303.967.039	2.348.838.410
Các khoản giảm trừ doanh thu (Hàng bán bị trả lại):	(3.787.888.766)	(355.547.407)
Doanh thu thuần	824.594.121.879	758.353.085.946
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	747.131.471.693	679.566.815.390
- Doanh thu thuần bán nguyên vật liệu	75.158.683.147	76.437.432.146
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	2.303.967.039	2.348.838.410

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp (*)	583.171.054.711	548.295.980.571
Giá vốn của nguyên vật liệu đã cung cấp	75.775.508.390	79.287.734.394
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	253.025.282	365.070.198
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	77.262.892	1.396.712.816
Cộng	659.276.851.275	629.345.497.979

(*) Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	385.151.081.240	415.860.012.190
Chi phí nhân công trực tiếp	61.663.117.172	59.876.788.521
Chi phí sản xuất chung	115.732.077.775	101.827.212.228
Tổng chi phí sản xuất	562.546.276.187	577.564.012.939
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.019.653.906	(20.350.063.112)
Tổng giá thành sản xuất	577.565.930.093	557.213.949.827
Xuất khác	-	4.159.607.070
Nhập khác	4.082.620.744	-
Chênh lệch tồn kho thành phẩm, hàng gửi đi bán	1.522.503.874	(13.077.576.326)
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	583.171.054.711	548.295.980.571

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	180.007.437	187.274.630
Lãi cho vay	1.396.180.884	(684.713.455)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.557.268.000	1.595.464.000
Lãi bán ngoại tệ	-	811.236.491
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.060.875.269	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	278.821.732	5.387.698.400
Cộng	4.473.153.322	7.296.960.066

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT GIA DỤNG PHONG PHÚ

Địa chỉ: phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	18.053.087.283	19.393.494.980
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	314.490.409
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	889.287.580	7.583.289.052
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	920.467.193	528.169.359
Chi phí tài chính khác	-	34.296.921
Cộng	19.862.842.056	27.853.740.721

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu bao bì	9.295.835.719	7.479.401.732
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.260.228.212	21.868.442.272
Chi phí khác	5.300.286.977	5.236.400.855
Cộng	42.856.350.908	34.584.244.859

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	18.119.908.054	15.540.833.830
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.714.262.228	1.550.426.153
Chi phí khấu hao tài sản cố định	869.865.001	551.058.723
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.235.098.563	4.749.895.612
Chi phí khác	6.134.161.068	7.014.354.575
Cộng	37.073.294.914	29.406.568.893

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.143.819.359	1.003.181.818
Thu nhập khác	65.000.000	13.300
Cộng	4.208.819.359	1.003.195.118

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	3.115.363.732	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	316.942.436	44.306.288
Chi phí khác	65.000.000	2.100.000
Cộng	3.497.306.168	46.406.288

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	58.331.478.487	37.501.561.850
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	58.331.478.487	37.501.561.850
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.000.000	8.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.291	4.688

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT GIA DỤNG PHONG PHÚ

Địa chỉ: phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	424.023.915.288	450.753.433.880
Chi phí nhân công	93.157.970.933	84.885.700.515
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.715.284.412	10.396.101.008
Chi phí dịch vụ mua ngoài	92.956.271.077	77.972.576.307
Chi phí khác	17.622.480.299	17.547.014.981
Cộng	642.475.922.009	641.554.826.691

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ	2.193.177.007	471.632.000
Trả cổ tức thông qua cản trừ khoản cho vay thu hồi	10.000.000.000	-
Góp vốn đầu tư vào công ty liên kết bằng cách cản trừ công nợ	138.871.800	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.233.000.000	1.184.400.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	8.476.470	6.738.358
Cộng	1.241.476.470	1.191.138.358

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty cổ phần Phong Phú	Công ty mẹ
Công ty cổ phần dệt vải Phong Phú	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH một thành viên sợi chỉ may Phong Phú	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần đầu tư Phong Phú Sơn Trà	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần xúc tiến thương mại và đầu tư Phong Phú	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần dệt vải thời trang Phong Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần dệt may Nha Trang	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần dệt Đông Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phong Phú may thời trang	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần dệt may Quảng Phú	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT GIA DỤNG PHONG PHÚ

Địa chỉ: phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty cổ phần Phong Phú		
Mua nguyên liệu sợi, khăn	25.759.927.136	11.334.716.564
Cho vay	-	15.000.000.000
Nhận cung cấp dịch vụ	2.896.232.370	2.436.116.960
Bán thành phẩm và cung cấp dịch vụ	2.352.308.620	3.057.925.240
Phải trả các khoản chi hộ	210.000.000	-
Mua bao bì	22.050.000	-
Mượn tiền	-	500.000.000
Phải thu lãi cho vay	662.986.109	959.222.226
Lợi nhuận được chia	-	547.800.000
Cổ tức được chia	869.268.000	399.664.000
Mua cổ phiếu	249.790.000	-
Công ty cổ phần dệt Đông Nam		
Mua sợi nguyên liệu, phụ tùng	14.829.526.767	3.829.521.853
Bán thành phẩm	2.045.450	22.181.800
Công ty cổ phần dệt vải Phong Phú		
Mua sợi nguyên liệu	364.956.459	8.407.017.344
Mua thành phẩm	-	250.053.006
Chi phí khác	4.750.044.461	2.653.660.218
Cung cấp dịch vụ	28.640.683.455	20.382.066.135
Bán thành phẩm	9.110.162.000	-
Bán công cụ dụng cụ	52.542.270	-
Công ty cổ phần đầu tư Phong Phú Sơn Trà		
Mua sợi nguyên liệu	88.332.934	-
Nhận cung cấp dịch vụ	2.060.518.665	1.146.991.793
Mua máy móc thiết bị	4.546.446.119	-
Bán sợi nguyên liệu	839.111.510	-
Công ty TNHH một thành viên sợi chỉ may Phong Phú		
Mua sợi nguyên liệu	10.330.990.538	27.668.450.566
Nhận cung cấp dịch vụ	451.928.555	383.047.325
Chi phí lãi do chậm thanh toán	-	34.296.921
Bán bông, sợi	-	-
Bán thành phẩm	28.204.540	30.391.924
Bán công cụ dụng cụ	-	48.586.000
Công ty cổ phần dệt may Nha Trang		
Bán thành phẩm	26.365.469.919	15.022.624.430
Bán bông, sợi	-	4.687.213.463
Mua cổ phiếu	1.540.000.000	1.100.000.000
Mua nguyên liệu	14.531.849.500	-
Cổ tức được chia	160.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT GIA DỤNG PHONG PHÚ

Địa chỉ: phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty cổ phần xúc tiến thương mại và đầu tư Phong Phú</i>		
Mua sợi nguyên liệu	-	4.695.614.082
Nhận cung cấp dịch vụ	241.868.263	1.677.554.461
Bán thành phẩm	88.728.382.997	87.394.869.662
Cổ tức được chia	528.000.000	648.000.000
<i>Công ty cổ phần vải thời trang Phong Phước</i>		
Nhận cung cấp dịch vụ	-	2.961.992
Bán thành phẩm	9.169.983.000	-
<i>Công ty cổ phần dệt may Quảng Phú</i>		
Góp vốn	7.172.923.093	7.405.558.200
Mua nguyên liệu sợi, khăn	3.832.945.774	-
Nhận cung cấp dịch vụ	3.756.594.392	-
Bán nguyên liệu sợi, vật tư, khăn	4.239.949.235	-
Bán tài sản	2.067.319.357	-
<i>Công ty TNHH Phong Phú may thời trang</i>		
Bán thành phẩm	-	12.816.000
Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.		
Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Tổng Công ty cổ phần Phong Phú</i>		
Lãi cho vay	53.819.442	959.222.226
Lợi nhuận được chia	-	547.800.000
Thu tiền góp vốn hợp tác đầu tư	-	1.000.000.000
Bán thành phẩm và cung cấp dịch vụ	752.235.430	-
<i>Công ty cổ phần dệt vải Phong Phú</i>		
Cung cấp hàng hóa và dịch vụ	3.956.273.448	5.549.140.460
<i>Công ty cổ phần dệt may Nha Trang</i>		
Bán thành phẩm	133.886.980	16.481.631.870
<i>Công ty TNHH một thành viên sợi chỉ may Phong Phú</i>		
Cung cấp hàng hóa và dịch vụ	-	7.029.143
<i>Công ty cổ phần xúc tiến thương mại và đầu tư Phong Phú</i>		
Cung cấp hàng hóa	9.692.456.232	17.486.001.969

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT GIA DỤNG PHONG PHÚ

Địa chỉ: phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần dệt may Quảng Phú		
Bán nguyên liệu, tài sản	4.739.060.774	-
Ứng trước tiền gia công	1.200.000.000	-
Cộng nợ phải thu	20.527.732.306	42.030.825.668
Tổng Công ty cổ phần Phong Phú		
Mua nguyên liệu	-	3.153.066.379
Mượn tiền	500.000.000	500.000.000
Công ty cổ phần dệt Đông Nam		
Mua nguyên liệu	-	298.928.694
Công ty cổ phần dệt vải Phong Phú		
Mua thành phẩm, dịch vụ	-	8.995.879.453
Công ty cổ phần đầu tư Phong Phú Sơn Trà		
Mua máy móc thiết bị	1.175.234.087	-
Nhận cung cấp dịch vụ	552.802.040	-
Cung cấp dịch vụ	-	237.359.979
Công ty TNHH một thành viên sợi chỉ may Phong Phú		
Mua thành phẩm	1.377.492.619	4.400.362.959
Công ty cổ phần dệt may Quảng Phú		
Nhận cung cấp dịch vụ	1.392.481.885	-
Cộng nợ phải trả	4.998.010.631	17.585.597.464

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thay đổi chính sách kế toán

Năm nay, Công ty đã thay đổi chính sách kế toán liên quan đến việc xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang nhằm mục đích phản ánh hợp lý hơn chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và giá thành sản phẩm. Theo đó, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định bao gồm cả chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.

3. Thay đổi ước tính kế toán

Năm nay, Công ty đã điều chỉnh giảm thời gian khấu hao loại của hệ thống xử lý nước thải từ 10 năm xuống 05 năm vì thực tế sử dụng những năm qua cho thấy thời gian khấu hao các năm trước chưa hợp lý. Việc thay đổi thời gian khấu hao này làm cho chi phí khấu hao năm nay tăng 1.477.199.148 VND so với việc áp dụng thời gian khấu hao như năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT GIA DỤNG PHONG PHÚ

Địa chỉ: phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Thông tin về bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là hoạt động sản xuất (chiếm trên 91% doanh thu toàn công ty) và thị trường hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu ở khu vực Miền Nam nên không thuộc đối tượng phải trình bày báo cáo bộ phận theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

5. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các bên liên quan vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					5.655.795.829
Tiền và các khoản tương ương tiền	5.655.795.829	-	-	-	
Phải thu khách hàng	113.280.681.100	-	-	1.520.861.984	114.801.543.084
Các khoản cho vay	20.000.000.000	-	-	-	20.000.000.000
Các khoản phải thu khác	2.319.297.419	-	-	-	2.319.297.419
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	11.087.190.000	-	-	-	11.087.190.000
Cộng	152.342.964.348	-	-	1.520.861.984	153.863.826.332

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT GIA DỤNG PHONG PHÚ

Địa chỉ: phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số đầu năm					8.830.882.427
Tiền và các khoản tương ương tiền	8.830.882.427	-	-	-	
Phải thu khách hàng	97.225.510.489	-	-	498.570.156	97.724.080.645
Các khoản cho vay	15.000.000.000	-	-	-	15.000.000.000
Các khoản phải thu khác	4.153.435.304	-	-	-	4.153.435.304
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	8.769.230.641	-	-	-	8.769.230.641
Cộng	<u>133.979.058.862</u>			<u>498.570.156</u>	<u>134.477.629.018</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				163.335.514.898
Vay và nợ	148.967.552.020	14.367.962.878	-	163.335.514.898
Phải trả người bán	48.534.030.863	-	-	48.534.030.863
Các khoản phải trả khác	16.725.964.937	-	-	16.725.964.937
Cộng	<u>214.227.547.820</u>	<u>14.367.962.878</u>	-	<u>228.595.510.698</u>
Số đầu năm				162.326.321.390
Vay và nợ	143.024.610.186	16.427.711.204	2.874.000.000	162.326.321.390
Phải trả người bán	78.458.380.981	-	-	78.458.380.981
Các khoản phải trả khác	26.364.201.972	-	-	26.364.201.972
Cộng	<u>247.847.193.139</u>	<u>16.427.711.204</u>	<u>2.874.000.000</u>	<u>267.148.904.343</u>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT GIA DỤNG PHONG PHÚ

Địa chỉ: phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 01 tháng 01 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	161.733,19	-	59.935,56	-
Phải thu khách hàng	380.346,50	-	550.722,31	-
Các khoản phải thu khác	40.679,00	-	-	-
Vay và nợ	(4.708.905,09)	(45.084,00)	(2.504.543,85)	(103.448,00)
Phải trả người bán	(56.447,79)	-	(403.964,04)	-
Các khoản phải trả khác	(743.846,85)	-	-	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(4.926.441,04)	(45.084,00)	(2.297.850,02)	(103.448,00)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 1.901.422.062 VND (năm trước giảm/tăng 1.099.457.767 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của tỷ giá hối đoái năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản cho vay và vay có lãi suất thả nổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT GIA DỤNG PHONG PHÚ

Địa chỉ: phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do các khoản cho vay và vay có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp toàn bộ khoản phải thu khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) (xem thuyết minh V.17).

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.655.795.829	-	8.830.882.427	-	5.655.795.829	8.830.882.427
Phải thu khách hàng	114.801.543.084	(511.049.603)	98.042.435.852	(318.355.207)	114.290.493.481	97.724.080.645
Các khoản cho vay	20.000.000.000	-	15.000.000.000	-	20.000.000.000	15.000.000.000
Các khoản phải thu khác	2.319.297.419	-	4.153.435.304	-	2.319.297.419	4.153.435.304
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	11.087.190.000	(1.448.636.552)	9.297.400.000	(528.169.359)	9.638.553.448	8.769.230.641
Cộng	153.863.826.332	(1.959.686.155)	135.324.153.583	(846.524.566)	151.904.140.177	134.477.629.017

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	163.335.514.898	162.326.321.390	163.335.514.898	162.326.321.390
Phải trả người bán	48.534.030.863	78.458.380.981	48.534.030.863	78.458.380.981
Các khoản phải trả khác	16.725.964.937	26.364.201.972	16.725.964.937	26.364.201.972
Cộng	228.595.510.698	267.148.904.343	228.595.510.698	267.148.904.343

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT GIA DỤNG PHONG PHÚ

Địa chỉ: phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

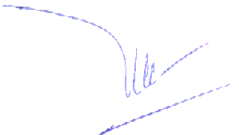
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

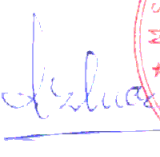
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2013


Nguyễn Thị Yến Vân
Người lập biểu


Đặng Thanh Phước
Kế toán trưởng


Phạm Xuân Trình
Tổng Giám đốc

